

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 339/2019/DS-PT

Ngày: 26 - 12 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất theo hợp
đồng giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Đỗ Cao Khánh
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Thành Lập
	Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 và 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng giao khoán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 303/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Vĩnh N1, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C.

2. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1986;

3. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N2 và ông Nguyễn Văn P: Ông Nguyễn Vĩnh N1, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Đình, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H; Địa chỉ: Ấp 15, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Mỹ H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Chí D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh N1 trình bày: Ngày 30/5/2015 ông được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ ký hợp đồng giao khoán 02 phần đất (thửa đất thứ nhất số 96+92+87, tọa lạc tại khoảnh 1, tiểu khu 050, diện tích 93.796,7 m² và thửa đất thứ hai số 74+89+91, tọa lạc tại khoảnh 1, tiểu khu 050, diện tích 46.630,6 m²) tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C .. Tháng 10/2017 ông làm giấy cho ông Nguyễn Chí D quản lý ½ diện tích đất để chăm sóc, giữ gìn đất cho ông và ông cho ông D hưởng nguồn lợi trên đất. Khi được ông giao quản lý đất ông D tự ý đưa xáng cuốc mức bao trùm cả hai phần đất, làm phá vỡ hiện trạng đất ban đầu. Khi đó ông có gặp ông D để ngăn chặn việc thuê xáng cuốc, nhưng ông D chửi bới và đòi chém ông. Do đó ông yêu cầu ông D, bà H1 di dời nhà, khai thác cây cối, hoa màu để trả lại cho ông phần đất diện tích chiều ngang 56,5 mét, dài 1.037 mét theo đo đạc thực tế với diện tích 57.190,6m² và ông đồng ý hỗ trợ cho ông D, bà H1 200.000.000 đồng để ông D, bà H1 đi nơi khác sinh sống. Đồng thời, ông rút yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cha ông để lại. Hiện phần đất này do cá nhân ông đứng tên trong hợp đồng giao khoán với công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ, không phải hộ gia đình của anh gồm mẹ và các em của ông.

Tại phiên hòa giải ngày 10/4/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Quốc Nin trình bày: Ông P và ông N2 rút lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cha các ông để lại. Đồng thời các ông đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông.

Bị đơn ông Nguyễn Chí D trình bày: Ông không đồng ý di dời nhà trả đất lại theo yêu cầu của ông N1 vì phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc do cha ông là ông Nguyễn Thành Văn cho vợ chồng ông và ông quản lý sử dụng từ năm 1992 đến nay, nên ông yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 57.190,6m² là của ông. Nếu ông N1 yêu cầu ông di dời nhà đi nơi khác thì ông N1 phải bồi thường thỏa đáng cho ông thì ông mới đi nơi khác. Đồng thời ông yêu cầu ông N1 trả lại cho ông tiền khai thác cây tràm số tiền 197.500.000 đồng (số tiền trên ông đã trừ tiền ông N1 bỏ ra trả cho vợ cũ ông là bà Diễm, tiền cấp dưỡng nuôi con).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H1 trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của chồng bà là ông D, bà không trình bày bổ sung gì thêm.

Từ nội dung tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vĩnh N1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Chí D, bà Trần Thị Mỹ H1 khai thác, thu hoạch, tận thu cây cối, hoa màu, công trình, di dời nhà đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất theo hợp đồng giao khoán phần đất có diện tích 57.190,6m², tại một phần thửa đất 96+92+87, thuộc khoảnh 1, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C .. Vị trí đất theo như sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh, tỉnh Cà Mau lập ngày 10/3/2018.

Buộc ông D tháo dỡ toàn bộ phần kiến trúc các căn nhà, các công trình trên đất và khai thác, thu hoạch, tận thu, di dời các cây trồng có trên đất đi nơi khác để trả đất cho ông Nguyễn Vĩnh N1 tổng diện tích đất 57.190,6m².

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Chí D về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 57.190,6m² tại một phần thửa đất 96+92+87, thuộc khoảnh 1, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C. là của ông D và không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Chí D về việc yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh N1 trả số tiền 197.500.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Vĩnh N1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn N2.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N1 về việc bồi thường, hỗ trợ công sức đầu tư, di dời nhà cho ông D với số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/9/2019, ông Nguyễn Chí D kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm vừa vi phạm tố tụng, vừa vi phạm nội dung nên yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận phần đất có diện tích 57.190,6m², tại thửa số 96+92+87, thuộc khoảnh 1, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C. là của ông và buộc ông Nguyễn Vĩnh N1 phải trả cho ông tiền công đầu tư, cải tạo và trồng trọt trên thửa đất với số tiền 700.000.000 đồng. Nếu cấp phúc thẩm không thể khắc phục những thiếu sót của cấp sơ thẩm thì hủy bản án sơ thẩm và giao xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Chí D thay đổi yêu cầu kháng cáo. Theo đó, yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 57.190,6m², tại thửa số 96+92+87, thuộc khoảnh 1, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C. là của ông và yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh N1 trả cho ông tiền mà ông N1 đã khai thác Tràm từ trước đến nay là 350.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Ông N1 đã làm giấy “Chia quyền sở hữu đất” cho ông D. Căn cứ vào giấy chia đất này, ông D yêu cầu Tòa án công nhận phần đất là của ông D và yêu cầu ông N1 trả cho ông D tiền mà ông N1 đã khai thác Tràm từ trước đến nay là 350.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Phần đất tranh chấp là do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H quản lý (trên cơ sở giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau). Tại Công văn số: 561/Cty ngày 22/8/2018 của Công ty U Minh Hạ xác định: ngày 30/12/2015 Công ty U Minh Hạ ký hồ sơ giao khoán đất rừng với ông Nguyễn Vĩnh N1, đại diện cho hộ gia đình nhận khoán. Hợp đồng số 1882 năm 2015 do ông N1 đứng tên có nguồn gốc từ ông Nguyễn Thành Văn.

Căn cứ vào giấy “Chia quyền sở hữu đất” ngày 24/7/2017 do ông N1 viết được UBND xã Khánh Lâm xác nhận có cơ sở xác định phần đất tranh chấp ông N1 đã phân chia cho ông D quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, quan điểm của Công ty U Minh Hạ không đồng ý việc chia tách đất do ông N1 đứng tên hợp đồng giao khoán, nên buộc ông D giao lại phần đất cho ông N1, ông N1 trả cho ông D giá trị đất, tài sản gắn liền với đất là phù hợp.

Nay ông D kháng cáo yêu cầu ông N1 trả số tiền 700.000.000 đồng và được ông N1 đồng ý nên được chấp nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông D, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông N1 trả cho ông D số tiền 700.000.0000 đồng. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chí D về việc cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông Văn và bà Diễm là Nguyễn Thu Tư, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Chí Phúc và Nguyễn Quốc Nil vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, lấy lời khai của người làm chứng cũng như không làm rõ việc quản lý, sử dụng phần đất của ông làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp có diện tích 57.190,6m², thuộc thửa số 96+92+87, thuộc khoảnh 01, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C . do ông Nguyễn Thành Văn (cha của nguyên đơn, bị đơn) nhận giao khoán của Lâm Ngư trường Trần Văn Thời (nay là Công ty U Minh Hạ) theo Hợp đồng giao khoán đất Lâm nghiệp số: 61/50/HĐ, có hiệu lực từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2008. Năm 2002 Lâm Ngư trường Trần Văn Thời ký hợp đồng giao

khoán phần đất trên với ông Nguyễn Chí D, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 14/5/2002 đến ngày 15/10/2008.

Ngày 02/4/2014 ông Nguyễn Thành Văn có “Đơn ủy quyền hợp đồng”, theo đó ông Văn ủy quyền lại cho con là Nguyễn Vĩnh N1 đứng ra nhận khoán đất trực tiếp với Ban giám đốc Lâm nghiệp U Minh hạ, với tổng diện tích 9,8ha tại tiểu khu 050.

Ngày 30/12/2015 Công ty U Minh Hạ ký hợp đồng giao khoán với hộ ông Nguyễn Vĩnh N1 theo Hợp đồng giao khoán rừng và đất rừng sản xuất số: 1882/2015/HĐ-RSX, tại các thửa 96+92+87, khoảnh 1, tiểu khu 050, với diện tích 93.796,7m², ông N1 đại diện hộ gia đình nhận khoán, do thời điểm ký hợp đồng, ông N1 đứng tên sổ hộ khẩu riêng nên hộ ông N1 được xác định chỉ có một mình ông N1.

Bên cạnh đó, tại “Đơn ủy quyền” ngày 02/02/2016, bà Diễm và các con là Tư, Trung, Phúc, Nil cũng xác định ý chí về phần đất mà ông N1 hợp đồng giao khoán như sau: “...Nay tôi cùng các con bàn bạc đi đến thống nhất giao cho ông Nguyễn Vĩnh N1, sinh năm 1973, CMND 380795273 đứng tên làm sổ đất kể từ nay tôi và các con tôi không có trách nhiệm gì về phần đất nêu trên. Ông Nguyễn Vĩnh N1 toàn quyền sử dụng, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước”.

Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm, bà Diễm và các con là Tư, Trung, Phúc, Nil cũng có ý kiến từ chối tham gia tố tụng nên việc cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không thiếu sót và không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của họ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự bao gồm lấy lời khai của người làm chứng về việc quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp của ông D. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ khi giải quyết vụ án.

Do đó yêu cầu hủy án sơ thẩm của ông D là không có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông D về việc yêu cầu Tòa án buộc ông N1 trả cho ông tiền công đầu tư, cải tạo và trồng trọt trên thửa đất số tiền 700.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông D là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất từ năm 2002 đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D xuất trình giấy “Chia quyền sở hữu đất”, theo đó ông Nguyễn Vĩnh N1 chia cho ông D phần đất ngang 56,5m x dài tới hậu theo chiều dài của đất, giấy được ông N1 ký vào ngày 24/7/2017 và được chính quyền địa phương xác nhận cùng ngày. Tại phiên xử, ông N1 trình bày ông làm giấy nêu trên là chỉ để cho ông D canh tác, sản xuất trên đất chứ không phải cho đất cho ông D. Lời trình bày của ông N1 là đúng, bởi lẽ phần đất tranh chấp này là đất lâm nghiệp, được UBND tỉnh Cà Mau giao Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H quản lý, Giám đốc Công ty ký hợp đồng giao khoán cho hộ gia đình ông N1 để “quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản kết hợp dưới tán rừng theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt” (Điều

1 của Hợp đồng giao khoán rừng và đất rừng sản xuất). Như vậy, đối với chính ông N1 cũng chỉ được giao quản lý, sản xuất hưởng thành quả lao động trên đất như ông D, chứ không phải là chủ sở hữu nên không thể cho tặng ông D như tờ “Chia quyền sở hữu đất” mà ông D xuất trình. Tuy nhiên, việc ông N1 viết tờ “Chia quyền sở hữu đất” nêu trên, mặc nhiên được hiểu là ông N1 chia quyền hưởng lợi cho ông D. Hơn nữa, ông D cũng là người có công cải tạo làm tăng giá trị phần đất tranh chấp (ông D trực tiếp sử dụng đất từ năm 2002 đến nay). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N1 đồng ý trả công đầu tư, cải tạo phần đất cho ông D số tiền 700.000.000 đồng theo yêu cầu kháng cáo của ông D. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của ông N1 và có lợi cho ông D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Chí D về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 57.190,6m² tại một phần thửa đất 96+92+87, thuộc khoảnh 1, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C là của ông D không có cơ sở chấp nhận, như phân tích nêu trên (đất lâm nghiệp được UBND tỉnh Cà Mau giao Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H quản lý).

Đối với việc ông D yêu cầu ông N1 trả tiền khai thác cây Tràm số tiền 197.500.000 đồng, do ông D không kháng cáo nên phần này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Tại tòa, phía bị đơn thay đổi kháng cáo yêu cầu được nhận 350.000.000 đồng (½ số tiền 700.000.000 đồng) tiền ông N1 bán Tràm từ trước đến nay. Xét thấy, yêu cầu này của ông D là vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu (tại đơn kháng cáo ông D không đặt ra vấn đề này) và không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những tình tiết phát sinh và phân tích nêu trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 53/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh về số tiền hoàn trả cho ông D, đồng thời sửa phần án phí mà ông N1 phải chịu.

Về chi phí đo đạc, định giá: Tại phiên tòa, ông N1 tự nguyện chịu, ông N1 đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

[3] Do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vĩnh N1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Chí D, bà Trần Thị Mỹ H1 khai thác, thu hoạch, tận thu cây cối, hoa màu, công trình, di dời nhà đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất theo hợp đồng giao khoán phần đất có diện tích 57.190,6m², tại một phần thửa đất 96+92+87, thuộc khoảnh 1, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C. Vị trí đất theo như sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh, tỉnh Cà Mau lập ngày 10/3/2018.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Chí D về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 57.190,6m² tại một phần thửa đất 96+92+87, thuộc khoảnh 1, tiểu khu 050, tọa lạc tại ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C. là của ông D.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Chí D về việc yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh N1 trả số tiền 197.500.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Vĩnh N1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn N2.

4. Buộc ông Nguyễn Vĩnh N1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Chí D giá trị tương đương việc chuyển nhượng thành quả lao động trên đất theo hợp đồng nhận khoán với số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với khoản tiền nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Vĩnh N1 phải chịu 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). ông N1 đã dự nộp 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011841 ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được đối trừ, ông N1 phải nộp thêm 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N2 (Quốc Nin) số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0012088 ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0012089 ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ông D phải nộp án phí tổng cộng số tiền 10.475.000 đồng, ngày 21/5/2019 ông D đã dự nộp 5.237.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0004383 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông D còn phải nộp tiếp số tiền 5.237.500 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Nguyễn Chí D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ngày 16/9/2019, ông D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004591 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Cao Khánh